

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TT
V/v quán triệt, triển khai thực hiện
Luật Thanh tra năm 2022 và Nghị
định số 43/2023/NĐ-CP

Hồng Lĩnh, ngày tháng 8 năm 2023

Kính gửi:

- Trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND thị xã;
- Chủ tịch UBND các phường, xã.

Luật Thanh tra năm 2022 đã được Quốc hội khóa XV, thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 14/11/2022 (thay thế Luật Thanh tra năm 2010) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023; Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023. Để triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ, UBND thị xã yêu cầu:

I. Thanh tra thị xã:

1. Kịp thời phổ biến, quán triệt nội dung của Luật Thanh tra năm 2022 và Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức Thanh tra thị xã; nghiên cứu tham mưu triển khai thực hiện công tác thanh tra đúng quy định. Quá trình tham mưu thực hiện cần lưu ý một số điểm mới của Luật Thanh tra năm 2022, như:

1.1. Kế hoạch thanh tra năm

Theo Luật Thanh tra năm 2010, chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hằng năm, Chánh Thanh tra thị xã căn cứ vào kế hoạch thanh tra của Thanh tra bộ, Thanh tra tỉnh và yêu cầu công tác quản lý của Ủy ban nhân dân thị xã trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phê duyệt kế hoạch thanh tra; chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra theo quy định.

Theo Luật Thanh tra năm 2022, Thanh tra thị xã có nhiệm vụ xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của Thanh tra thị xã, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã xem xét, quyết định trước khi gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của tỉnh (điểm a, Khoản 1 Điều 31); trong đó: Chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 hằng năm, Thanh tra thị xã gửi dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan mình đến Thanh tra tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của tỉnh (Khoản 5 Điều 45).

1.2. Điều kiện Trưởng, phó Đoàn thanh tra

Theo Luật Thanh tra năm 2010, Trưởng đoàn thanh tra là người được bổ nhiệm ngạch thanh tra viên hoặc tương đương trở lên.

Theo Luật Thanh tra năm 2022, Trưởng đoàn thanh tra, Phó đoàn thanh tra (nếu có) phải là người được bổ nhiệm ngạch thanh tra viên (Khoản 2 Điều 60).

1.3. Hoạt động thanh tra

Luật Thanh tra năm 2022 quy định các bước tiến hành cuộc thanh tra gồm: Chuẩn bị thanh tra, tiến hành thanh tra trực tiếp và kết thúc thanh tra trực tiếp với nội dung công việc khá cụ thể và đầy đủ. Một số quy định trước đây về hoạt động thanh tra trong các văn bản dưới luật, qua thực tiễn áp dụng có hiệu quả đã được nâng lên thành quy định của Luật để nâng cao hiệu lực cũng như tạo ra sự thống nhất trong việc áp dụng.

1.4. Quy định về xây dựng dự thảo kết luận thanh tra

Luật Thanh tra năm 2010 không đề cập đến việc xây dựng dự thảo kết luận thanh tra.

Luật Thanh tra năm 2022 đã quy định cụ thể về xây dựng dự thảo kết luận thanh tra (Điều 75), tham khảo ý kiến về dự thảo kết luận thanh tra (Điều 76), thẩm định dự thảo kết luận thanh tra (Điều 77).

1.5. Quy định về thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra và dự thảo kết luận thanh tra

Theo Luật Thanh tra năm 2010, chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra phải có văn bản báo cáo kết quả thanh tra và gửi tới người ra quyết định thanh tra. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra phải ban hành văn bản kết luận thanh tra.

Theo Luật Thanh tra năm 2022, đối với cuộc thanh tra do Thanh tra sở, Thanh tra thị xã tiến hành, thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra không quá 15 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra giao Trưởng đoàn thanh tra xây dựng dự thảo kết luận thanh tra. Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra sở, Thanh tra thị xã tiến hành, thời gian xây dựng dự thảo kết luận thanh tra không quá 15 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra ký ban hành kết luận thanh tra.

1.6. Luật hóa các tiêu chuẩn bổ nhiệm các ngạch thanh tra viên; bỏ quy định cộng tác viên thanh tra

Đối với Luật Thanh tra năm 2022, tiêu chuẩn chung của các ngạch thanh tra viên là tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên (Điều 39). Các ngạch còn lại (thanh tra viên chính và TTV cao cấp) còn phải đảm bảo các tiêu chuẩn riêng như: thời gian giữ ngạch, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ... (Điều 40 và Điều 41).

Bên cạnh đó, Luật Thanh tra năm 2022 cũng đã bỏ quy định công tác viên thanh tra (đã được quy định tại Điều 35 Luật Thanh tra năm 2010).

1.7. Quy định mới về các trường hợp miễn nhiệm Thanh tra viên

Theo khoản 1 Điều 42 Luật Thanh tra năm 2022, việc miễn nhiệm Thanh tra viên được thực hiện trong trường hợp sau đây: (1) nghỉ hưu, thôi việc, chuyển ngành; (2) vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác mà không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao; (3) bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; (4) thực hiện hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 8 Luật Thanh tra năm 2022; **(5) không hoàn thành nhiệm vụ 01 năm ở ngạch được bổ nhiệm;** (6) người được bổ nhiệm vào ngạch có hành vi gian lận trong kỳ thi nâng ngạch hoặc kê khai không trung thực trong hồ sơ bổ nhiệm vào ngạch; (7) trường hợp khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

1.8. Về việc ban hành kết luận thanh tra

Luật Thanh tra năm 2022 đã có những quy định cụ thể chặt chẽ hơn về việc báo cáo trước khi ban hành kết luận thanh tra, khắc phục tình trạng chậm ban hành kết luận thanh tra, cụ thể Luật quy định rõ thời gian ban hành kết luận thanh tra: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra ký ban hành kết luận thanh tra và chịu trách nhiệm về kết luận, kiến nghị của mình. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra để bảo đảm việc ban hành kết luận thanh tra đúng thời hạn theo quy định (khoản 1 Điều 78).

Đối với dự thảo kết luận thanh tra về vụ việc liên quan đến an ninh, quốc phòng, vụ việc quan trọng, phức tạp thuộc diện chỉ đạo, theo dõi của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh hoặc có yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp thì người ra quyết định thanh tra phải có văn bản báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung được báo cáo; trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước không trả lời hoặc không có ý kiến khác với dự thảo kết luận thanh tra thì người ra quyết định thanh tra ban hành ngay kết luận thanh tra.

Trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có ý kiến bằng văn bản yêu cầu bổ sung, làm rõ về nội dung dự thảo kết luận thanh tra thì chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đó, người ra quyết định thanh tra phải hoàn thiện, ban hành kết luận thanh tra.

Luật Thanh tra năm 2022 cũng quy định một cuộc thanh tra có thể ban hành nhiều kết luận thanh tra để phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước. Đây là quy định mà thực tiễn đã chứng minh là cần thiết; đồng thời làm cho hoạt

động thanh tra linh hoạt, gắn bó với hoạt động quản lý, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm phát hiện qua công tác thanh tra.

1.9. Sửa đổi nội dung giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra

Việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra được quy định tại Điều 98 Luật Thanh tra năm 2022 đã giảm đi 01 nội dung giám sát (quy định hiện hành là 04 nội dung), cụ thể: (1) việc chấp hành các quy định của pháp luật về căn cứ, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra; (2) việc chấp hành chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra; việc thực hiện quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra; việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo; (3) việc chấp hành quy định của pháp luật về các hành vi bị nghiêm cấm của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra; việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong hoạt động của Đoàn thanh tra.

1.10. Công khai kết luận thanh tra

Theo Luật Thanh tra năm 2010, hình thức công khai bắt buộc là hình thức công bố tại cuộc họp; ngoài ra, lựa chọn ít nhất một trong các hình thức: Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hay đưa lên trang thông tin điện tử của cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp hay Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra;

Theo Luật Thanh tra năm 2022, hình thức công khai bắt buộc là hình thức “Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp”; ngoài ra, lựa chọn ít nhất một trong các hình thức: “Tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức họp báo”; hay “Thông báo trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng. Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục tiến hành thì thông báo trên một phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương; đối với cuộc thanh tra do Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, Thanh tra thị xã tiến hành thì thông báo trên một phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương” hay “Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra”.

1.11. Không còn chế định thanh tra nhân dân trong Luật Thanh tra

Tại Luật Thanh tra năm 2010, chế định thanh tra nhân dân được quy định tại một chương cụ thể (Chương VI) với 10 Điều luật liên quan. Theo đó, thanh tra nhân dân được tổ chức dưới hình thức Ban thanh tra nhân dân. Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, phường, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

Tại Luật Thanh tra năm 2022, chế định về thanh tra nhân dân không còn quy định trong luật này.

2. Chủ động rà soát và kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định, quy trình, quy chế đảm bảo phù hợp với Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ để ban hành và áp dụng tổ chức thực hiện trong công tác thanh tra đúng quy định, như:

- Căn cứ tình hình thực tế và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, thực hiện rà soát đề tham mưu UBND thị xã điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 2023 phù hợp với khả năng Thanh tra thị xã chủ trì triển khai các cuộc thanh tra theo quy định.

- Tham mưu UBND thị xã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra thị xã theo quy định Luật Thanh tra năm 2022; thay thế Quyết định đã ban hành căn cứ theo Luật Thanh tra năm 2010.

II. Trưởng các phòng, ban, đơn vị; chủ tịch UBND các phường, xã

Nghiên cứu thực hiện nghiêm túc các quy định theo Luật Thanh tra năm 2022 và Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.

Trên đây là một số nội dung triển khai thực hiện Luật Thanh tra năm 2022 và Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ, đề nghị Trưởng các phòng, ban, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường quan tâm tổ chức thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thị xã ủy, TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp;
- Trung tâm hành chính công thị xã;
- Lưu: VT, TT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Hùng